

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HS-PT
Ngày 27/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 145/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo: **Diệp Văn D**, sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: thôn Quế Tân, xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Diệp Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ A Cháu – Công ty luật TNHH TGS; Địa chỉ: Số 34, ngõ 187, phố Tr Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (có mặt)

+ ***Người bị hại:*** Anh Vi Văn Th, sinh năm 1986; Trú tại thôn Tr Lương, xã Tràng Lương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. (có mặt)

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Diệp Văn D và anh Diệp Văn Tr, sinh năm 1980, trú tại thôn 3, xã Tràng Lương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh có mối quan hệ họ hàng. Tháng 3/2021, anh Tr ký hợp đồng khai thác than với Công ty Việt Hoàng tại thôn Văn

Non, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam và giao toàn bộ công việc khai thác than cho D quản lý, điều hành.

Tháng 7/2021, anh Tr biết anh Vi Văn Th, sinh năm 1986, trú tại thôn Tr Lương, xã Tràng Lương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh có sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu CUULONG, biển số 17K-9423 (gọi tắt là xe ô tô 17K-9423) nên đã bàn bạc với D thuê anh Th và xe ô tô đến làm việc. Sau đó, D trực tiếp hợp đồng thuê anh Th lái xe ô tô 17K-9423 để vận chuyển đất, đá phục vụ quá trình khai thác than.

Đến tháng 10/2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn nên công việc khai thác than của D phải tạm hoãn. Do vậy, D không có tiền để chi trả tiền thuê nhân công, thuê máy xúc nên những người làm thuê cho D trong đó có anh Th phải tạm thời nghỉ việc về nhà. Khi về nhà, anh Th để xe ô tô 17K-9423 tại khu vực khai thác than của Công ty Việt Hoàng thuộc thôn Văn Non, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Toàn bộ giấy tờ xe, anh Th để ở túi đựng đồ phía sau ghế lái xe ô tô, còn chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện.

Khoảng cuối tháng 10/2021, do cần tiền để trả lương cho công nhân, tiền thuê máy xúc, chi phí sinh hoạt và các khoản chi phí khác trong quá trình khai thác than trước đó, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô 17K-9423 của anh Th mang đi bán lấy tiền chi trả các khoản chi phí nêu trên. D gọi điện cho anh Tr nhờ anh Tr “...gọi điện bảo Th cho... mượn xe ô tô tải để đi chở dầu phục vụ cho máy xúc khai thác than”, anh Tr bảo D “...trực tiếp gọi cho Th...” để mượn xe. Sau đó, D gọi điện cho anh Th nói dối và bảo anh Th cho D mượn xe ô tô 17K-9423 để đi chở dầu cho máy xúc phục vụ việc khai thác than. Do quen biết và tin tưởng D nói là thật, anh Th đồng ý giao cho D mượn xe ô tô 17K-9423 và nói cho D biết chìa khóa và giấy tờ xe để trong cabin.

Sau khi mượn được xe ô tô, D liên hệ với Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn Cầu Gỗ, xã Trường Sơn, huyện Lục Nam đặt vấn đề bán xe ô tô 17K-9423 cho T và được T đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe ô tô 17K-9423 đi gặp T. Trên đường đi, D gọi điện rủ bạn là anh Dương Văn Tới, sinh năm 1989, trú tại thôn Đồi Gai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam đi cùng. Khi gặp T, D nói dối T về nguồn gốc xe ô tô 17K-9423 là của D mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, do cần tiền chi tiêu nên muốn bán. T kiểm tra thấy đầy đủ giấy tờ nên đồng ý mua xe ô tô 17K-9423 của D với giá 100.000.000 đồng. D và T lập giấy tờ mua bán xe ô tô 17K-9423, có sự chứng kiến của anh Tới. Sau khi lập giấy tờ mua bán xe xong, T giao cho D 100.000.000 đồng. D khai đã sử dụng số tiền này chi trả tiền thuê nhân công, thuê máy xúc và chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng tháng 01/2022, anh Th sang công trường thì không thấy xe ô tô 17K-9423 đâu. Qua tìm hiểu, anh Th biết việc D đã mang xe ô tô của mình đi bán với giá 100.000.000đ. Anh đã nhiều lần yêu cầu D trả lại xe ô tô nhưng D chỉ hứa hẹn mà không trả. Ngày 17/9/2022, anh làm đơn trình báo Công an huyện Lục Nam.

Bản kết luận định giá tài sản số 84 ngày 26/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu CUULONG, loại xe: tải ben, màu sơn xanh, số máy D08D5990022, số khung RRT09670D91A00133, BKS 17K-9423, đăng ký lần đầu tháng 11/2009 có giá trị 100.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Diệp Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Diệp Văn D 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2023, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung kháng cáo, đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án và xem xét vai trò đồng phạm của anh Diệp Văn Tr. Nếu không hủy án sơ thẩm thì đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo từ 12-24 tháng tù cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn, đúng theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, HĐXX xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo, HĐXX thấy rằng:

+ Về tội danh: Trong suốt quá trình điều tra, xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 10/2021, Diệp Văn D đã có hành vi gian dối, nói là mượn xe ô tô BKS 17K-9423 của anh Th để đi chở dầu máy xúc phục vụ việc khai thác than. Do tin tưởng nên anh Th đã giao cho bị cáo mượn. Sau khi mượn được xe, bị cáo đã mang xe ô tô đến bán cho Nguyễn Văn T với giá 100.000.000 đồng lấy tiền chi tiêu vào việc thuê nhân công, thuê máy xúc và các khoản chi phí khác.

Tại kết luận định giá tài sản số 84 ngày 26/9/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu CUULONG, loại xe: tải ben, màu sơn xanh, số máy D08D5990022, số khung RRT09670D91A00133, BKS 17K-9423, đăng ký lần đầu tháng 11/2009 có giá trị 100.000.000 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Về hình phạt: Với hành vi như trên, căn cứ và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cũng như nhân thân của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 3 năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội là anh Diệp Văn Tr, đề nghị HĐXX hủy án để điều tra, xét xử lại. Bị cáo cho rằng trước khi mượn xe của anh Th đem đi bán thì bị cáo có gọi điện và trao đổi với anh Diệp Văn Tr và được anh Tr nhất trí. Anh Tr không thừa nhận có bàn bạc với bị cáo về việc mượn xe để bán. Anh chỉ được bị cáo D nhờ gọi điện cho Th mượn xe để đi chở dầu phục vụ cho việc khai thác. Ngoài lời khai nêu trên, bị cáo và người bào chữa không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh anh Tr có bàn bạc, hưởng lợi và có vai trò đồng phạm trong vụ án. Vì vậy, đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại của bị cáo và người bào chữa là không có căn cứ, HĐXX không chấp nhận.

Về đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, v khoản 1 Điều 51 BLHS thì thấy:

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản và bản án sơ thẩm thì bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 100.000.000đ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo mới bồi thường cho người bị hại được 20.000.000đ. Như vậy, theo hướng dẫn tại tại mục 1 phần I Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 thì bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, tuy nhiên theo tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP thì “*người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua...*”. Do đó các tài liệu bị cáo giao nộp trước phiên tòa như: Giấy khen của giám đốc công ty TNHH MTV Khe Sim, Giấy chứng nhận đạt giải C liên hoan ca múa nhạc không chuyên thành phố Chí Linh....không đủ điều kiện để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo có cung cấp một số tài liệu, chứng cứ là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không ăn năn về hành vi phạm tội của mình, chưa tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho người

bị hại....Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo.

[3] Án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Diệp Văn D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: Diệp Văn D 03 (Ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Ngữ